Người ký: Sở Tư pháp
Email: sotuphap@phutho.gov.vn
Cơ quan: Tỉnh Phú Thọ
Thời gian ký: 10.10.2023 16:12:16 +07:00

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 19 /2023/QĐ-UBND	*Phú Thọ, ngày 20 tháng 9 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành quy định việc quản lý, vận hành công trình; quy trình bảo trì, mức chi phí bảo trì công trình đối với dự án đầu tư xây dựng theo cơ chế đặc thù thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Phú Thọ, giai đoạn 2021 - 2025

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ Quy định về cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng Ban hành định mức xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 14/2021/TT-BXD ngày 08 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng Hướng dẫn xác định chi phí bảo trì công trình xây dựng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định về việc quản lý, vận hành công trình; quy trình bảo trì, mức chi phí bảo trì công trình đối với dự án đầu tư xây dựng theo cơ chế đặc thù thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Phú Thọ, giai đoạn 2021-2025.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc quản lý, vận hành, bảo trì công trình được đầu tư xây dựng theo cơ chế đặc thù thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Phú Thọ, giai đoạn 2021-2025.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. Ủy ban nhân dân các huyện, thành, thị sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp huyện.

2. Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp xã.

3. Ban quản lý xã, phường, thị trấn sau đây gọi chung là Ban Quản lý xã.

4. Ban phát triển thôn, bản, làng, phum, sóc, xóm, ấp, khu dân cư, tổ dân phố và tương đương gọi chung là Ban phát triển thôn.

5. Ban quản lý xã được thành lập để tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn cấp xã. Trưởng ban là Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, thành viên bao gồm: Công chức cấp xã phụ trách lĩnh vực địa chính nông nghiệp - xây dựng và môi trường, tài chính - kế toán; đại diện các đoàn thể chính trị - xã hội và cộng đồng dân cư.

6. Ban phát triển thôn do cộng đồng dân cư bầu, hoạt động theo quy chế do cộng đồng dân cư thống nhất và được Ủy ban nhân dân cấp xã công nhận

7. Các dự án được đầu tư xây dựng thực hiện theo cơ chế đặc thù theo quy định tại Điều 14 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP của Chính phủ và theo Quyết định số 333/QĐ-UBND ngày 16 tháng 02 năm 2023 của UBND tỉnh Phú Thọ ban hành danh mục loại dự án được áp dụng cơ chế đặc thù trong quản lý đầu tư xây dựng thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Phú Thọ, giai đoạn 2021 – 2025.

Điều 4. Quản lý, vận hành công trình được đầu tư xây dựng theo cơ chế đặc thù

1. Ủy ban nhân dân cấp xã giao Ban quản lý xã hoặc Ban phát triển thôn trực tiếp quản lý, vận hành công trình xây dựng.

2. Việc quản lý, vận hành công trình phải đúng công năng, mục đích thiết kế và nội dung dự án được phê duyệt.

Điều 5. Quy trình bảo trì công trình

1. Quy trình bảo trì công trình xây dựng:

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quy trình bảo trì mẫu để quản lý vận hành và bảo trì công trình đầu tư xây dựng theo cơ chế đặc thù tại địa phương.

Các công trình không bắt buộc phải thực hiện lập quy trình bảo trì riêng cho từng công trình thực hiện theo quy định tại Khoản 4 Điều 31 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP.

Trường hợp có tiêu chuẩn về bảo trì hoặc có quy trình bảo trì của công trình tương tự phù hợp thì chủ sở hữu hoặc người quản lý, sử dụng công trình có thể áp dụng tiêu chuẩn hoặc quy trình đó cho công trình.

Nội dung quy trình bảo trì mẫu theo quy định tại Khoản 10, Điều 1 Nghị định 38/2023/NĐ-CP sửa đổi Khoản 1, Điều 19 Nghị định 27/2022/NĐ-CP của Chính phủ.

2. Trách nhiệm lập, quyết định kế hoạch bảo trì công trình:

a) Ban quản lý xã xây dựng kế hoạch bảo trì trên cơ sở quy trình mẫu theo quy định của UBND tỉnh

b) Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định kế hoạch bảo trì công trình và lựa chọn cộng đồng dân cư, tổ chức đoàn thể, tổ, nhóm thợ, hợp tác xã thực hiện bảo trì công trình xây dựng.

3. Thực hiện bảo trì công trình: Thực hiện theo quy định tại Điều 33 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP của Chính phủ .

Điều 6. Chi phí, mức chi phí thực hiện công tác bảo trì công trình

1. Chi phí bảo trì công trình xây dựng:

Phương pháp xác định chi phí bảo trì và nội dung chi phí bảo trì công trình xây dựng thực hiện theo quy định tại Khoản 10, Điều 1 Nghị định số 38/2023/NĐ-CP sửa đổi Khoản 3, Điều 19 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP của Chính phủ.

2. Định mức chi phí thực hiện công tác bảo trì công trình: Thực hiện theo quy định tại phụ lục VI Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng Ban hành định mức xây dựng.

3. Đơn giá bảo trì lập theo quy định Bộ đơn giá dự toán: Xây dựng công trình, lắp đặt, sửa chữa và bảo dưỡng công trình xây dựng, khảo sát xây dựng trên địa bàn do UBND tỉnh Phú Thọ ban hành.

Điều 7. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 10 năm 2023.

2. Trong quá trình thực hiện, các văn bản được viện dẫn để áp dụng tại Quyết định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

Điều 8. Tổ chức thực hiện

1. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành thuộc tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành, thị; Ủy ban nhân dân cấp xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các sở, ban, ngành, cơ quan, địa phương kịp thời báo cáo, đề xuất với UBND tỉnh (thông qua Sở Xây dựng) để kịp thời sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành quy định mới cho phù hợp./.

Nơi nhận:
- Văn phòng Chính phủ;
- Website Chính phủ;
- Bộ Xây dựng;
- Vụ pháp chế – Bộ Xây dựng;
- Cục Kiểm tra Văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- TTTU; TT. HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Trung tâm Công báo - Tin học (VP UBND tỉnh);
- Các sở, ban ngành, đoàn thể của tỉnh;
- UBND các huyện, thành, thị;
- UBND cấp xã;
- Lưu: VT, XD1 (Q.50b).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Phan Trọng Tấn

Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ
Cơ quan: tỉnh Phú Thọ
Ngày ký: 20-09-2023 11:16:44 +07:00